

Cảm biến quang điện nguồn AC, đầu ra rơle với khối đầu dây giúp bảo dưỡng dễ dàng.

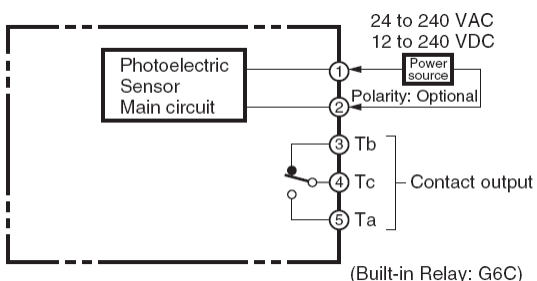
- Dùng nguồn điện AC và DC với chức năng đặt thời gian
- Dễ nối dây với khối đầu nối chia bậc
- Nguồn sáng phân cực giúp phát hiện vật bóng loáng một cách tin cậy (các model phản xạ gương)
- Đầu ra rơ le tiếp điểm SPDT và transistor
- Kích thước: 65 x 65 x 25 (mm)



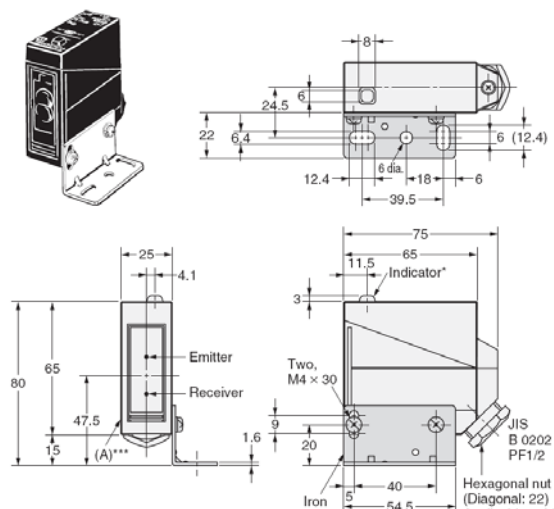
Thông tin đặt hàng

Phương pháp phát hiện		Thu – phát	Phản xạ gương	Phản xạ khuếch tán	
Khoảng cách phát hiện		10 m	4 m	70 cm	
Có bộ định giờ	Đầu ra rơ le	E3JM-10M4T	E3JM-R4M4T	E3JM-DS70M4T	
	Đầu ra Transistor	NPN	E3JM-10S4T	E3JM-R4S4T	E3JM-DS70S4T
		PNP	E3JM-10R4T	E3JM-R4R4T	E3JM-DS70R4T
Không có bộ định giờ	Đầu ra rơ le	E3JM-10M4	E3JM-R4M4	E3JM-DS70M4	
	Đầu ra transistor	NPN	E3JM-10S4	E3JM-R4S4	E3JM-DS70S4
		PNP	E3JM-10R4	E3JM-R4R4	E3JM-DS70R4

Sơ đồ đầu dây loại đầu ra rơle



Kích thước E3JM-D/R



Đặc tính kỹ thuật

Mục	E3JM-10□4	E3JM-10□4T	E3JM-R4□4	E3JM-R4□4T	E3JM-DS70□4	E3JM-DS70□4T
Phương pháp phát hiện	Thu – phát		Phản xạ gương		Phản xạ khuếch tán	
Điện áp cấp	12 tới 240 VDC±10%, độ nhấp nháy đỉnh (p-p): 10% max. 24 tới 240 VAC±10%, 50/60 Hz					
Công suất tiêu thụ	3 W max.		2 W max.			
Khoảng cách phát hiện	10 m		4 m (với gương E39-R1)		70 cm (20 ´ 20 giấy trắng)	
Vật phát hiện	Vật mờ đục có đường kính tối thiểu 16 mm .		Vật mờ đục đường kính tối thiểu 56 mm		Vật mờ đục và trong mờ	
Góc hoạt động	3° tới 20°		Cảm biến: 1° tới 5°		---	
			Gương :40° tối thiểu.			
Khoảng cách vi sai	---		---		tối đa 20%	
Đầu ra điều khiển	Đầu ra rơ le: SPDT 250 VAC, tối đa 3 A (cosφ = 1)					
	5 VDC, tối thiểu 10 mA					
	Đầu ra Transistor : 48 VDC, tối đa 100 mA (Điện áp còn dư : tối đa 2 V)					
Thời gian đáp ứng	Đầu ra rơ le: tối đa 30 ms					
	Đầu ra transistor tối đa 5 ms.					
Điều chỉnh độ nhạy	Cố định				Có thể điều chỉnh	
Chỉ thị	Chỉ thị đèn (đỏ)	Chỉ thị hoạt động (đỏ)	Chỉ thị đèn (đỏ)	Chỉ thị hoạt động (đỏ)	Chỉ thị đèn (đỏ)	Chỉ thị hoạt động (đỏ)
Chức năng định giờ	Có thể lựa chọn phím ON-delay/OFF-delay/One-shot delay Thời gian trễ: 0.1 tới 5 giây (có thể điều chỉnh), chỉ cho E3JM-jj4T					
Phương pháp kết nối	Hệ thống khối đầu dây					
Cấp vỏ bảo vệ	IEC: IP66					
Đường kính bên ngoài của cáp có thể sử dụng	đường kính 6 tới 8 .					
Nguồn sáng	LED hồng ngoại (950 nm)		LED đỏ (phân cực) (660 nm)		LED hồng ngoại (950 nm)	
Tuổi thọ dự tính	Cơ học : tối thiểu 50.000.000 lần. (tần số đóng mở : 18.000 lần /giờ) Điện : tối thiểu 100.000 lần. (tần số đóng mở : 1.800 lần /giờ)					
Độ chiếu sáng môi trường	Hoạt động: điểm sáng tối đa 3.000 lux (đèn dây tóc)					
Nhiệt độ môi trường	Hoạt động: -25°C tới 55°C (không đông đá)					
	Bảo quản: -30°C tới 70°C					
Độ ẩm môi trường	Hoạt động: 45% tới 85%					
	Bảo quản: 35% tới 95%					
Trở kháng cách điện	tối đa 20 MΩ (500 VDC)					
Cường độ điện môi	2.000 VAC, 50/60 Hz for 1 phút.					
Mức độ chịu rung	Mức độ phá huỷ: 10 tới 55 Hz, rung 1,5-mm , 2 giờ mỗi hướng X, Y và Z					
	Mức độ hỏng hóc: 10 tới 55 Hz, rung 1,5-mm , 2 giờ mỗi X, Y và Z					
Mức độ chịu sốc	Mức độ phá huỷ: 500 m/s2 (khoảng 50G), 3 lần mỗi hướng X, Y và Z					
	Mức độ hỏng hóc: 100 m/s2 (khoảng 10G), 3 lần mỗi hướng X, Y và Z					
Vật liệu	Hộp: ABS					
	Mặt kính: PMMA (Acrylate)					
	Vỏ: PC (Polycarbonate)					
	Tám gá: Thép					
Trọng lượng	Khoảng 240 g		Khoảng 130 g		Khoảng 130 g	